

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Phúc và bà Lê Thị H1ền;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký
viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng
Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày
19/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
10/6/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày
25/6/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: thôn V, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

**** Bị đơn:*** Anh Đặng Vũ H, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 (vắng mặt)

+ Cháu Đặng Quốc H11, sinh ngày 04/01/2011 (vắng mặt)

Cùng đăng ký HKTT: thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: thôn V, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Hải A và cháu H1: Chị Nguyễn Thị
M và anh Đặng Vũ H là bố mẹ đẻ của các cháu.

**** Người làm chứng:***

+ Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Vũ H trước khi kết hôn được có thời gian được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên ngày 27/4/2007 theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, chị M về sống chung cùng mẹ chồng được khoảng hơn năm thì ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà tại thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường, đến khoảng năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị áp lực về kinh tế, bản thân anh H không tu chí làm ăn, tiền lương hàng tháng anh H đi làm về không đưa chị để chi tiêu gia đình, chăm sóc con cái mà lấy tiền đó đi chơi bời. Chị cũng đã nhiều lần khuyên ngăn anh H nhưng anh H không nghe khiến hai vợ chồng xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị nên đến đầu năm 2019, chị cùng hai cháu chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn V, xã Q, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, dù chị có cố gắng cũng không mang lại hạnh phúc, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Vũ H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là các cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Đặng Quốc H11, sinh ngày 04/01/2011. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Hải A và cháu Đặng Quốc H11 cho đến khi các cháu trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị M xác định, chị và anh H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị M xác định, chị và anh H không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Đặng Vũ H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh H về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Hải A và cháu Đặng Quốc H11 trình bày: Quá trình hai cháu sống chung với bố mẹ, hai cháu nhận thấy tình cảm bố mẹ bình thường được một thời gian, sau đó thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân thì hai cháu đều không rõ vì thời điểm đó hai cháu vẫn còn nhỏ. Khoảng cuối năm 2018, hai cháu cùng mẹ chuyển đến nhà ông bà ngoại tại thôn V, xã Q, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, trường hợp bố mẹ ly hôn nhau, thì hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ, còn

việc cấp dưỡng nuôi hai cháu do bố mẹ quyết định, hai cháu không có yêu cầu đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi hai cháu. Cháu Hải A và cháu H1 đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt hai cháu theo quy định pháp luật.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị M1 (là mẹ đẻ của chị M) trình bày: Quá trình hai anh chị sống với nhau tình cảm bình thường, đến khoảng đầu năm 2019, bà thấy chị M đưa cả hai cháu về sinh sống cùng gia đình bà, nguyên nhân thì chị M nói ở với anh H không có hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do anh H không tu chí làm ăn, tiền lương hàng tháng anh H không đưa cho chị M chi tiêu sinh hoạt gia đình, nuôi con cái, mà tự chị M bươn chải, lo toan. Từ thời điểm chị M cùng các cháu về gia đình bà sinh sống, anh H chưa một lần nào đến nhà bà chơi cũng như ngỏ ý xin phép đưa chị M về nhà. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H, đây là chuyện riêng tư để hai anh chị tự quyết định, gia đình bà không có ý kiến gì. Vợ chồng chị M và anh H có 02 con chung là các cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Đặng Quốc H1, sinh ngày 04/01/2011. Gia đình bà không liên quan gì về vấn đề tài sản với vợ chồng anh H, chị M nên gia đình bà không có yêu cầu đề nghị gì. Bà M1 đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

- Chị Đặng Thị Th (là chị gái ruột của anh H) trình bày: Quá trình vợ chồng chị M, anh H chung sống cùng nhau, chị thấy tình cảm hai anh chị bình thường, đến năm 2019 anh chị xảy ra mâu thuẫn, một phần do anh H mãi chơi, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, cũng từ năm 2019 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, chị M và anh H vì lòng tự trọng quá cao, không ai nhường nhịn ai, chị M không muốn quay lại chung sống với anh H, anh H không có ý định đi tìm chị M về. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Toà án tạo điều kiện hoà giải cho vợ chồng anh chị quay về đoàn tụ với nhau. Trường hợp chị M kiên quyết xin ly hôn, do hai anh chị tự quyết định, chị không có yêu cầu, đề nghị gì. Vợ chồng chị M và anh H có 02 con chung là các cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Đặng Quốc H1, sinh ngày 04/01/2011. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị M. Theo chị nắm được, vợ chồng anh H và chị M có xây được căn nhà nhờ trên đất bố mẹ chị, ngoài ra hai anh chị còn tài sản gì hay không thì chị không nắm được, giữa gia đình chị và vợ chồng anh H, chị M không liên quan về vấn đề kinh tế nên không có yêu cầu đề nghị gì. Anh H làm nghề tự do, sáng đi sớm, tối về muộn nên chị cũng không nắm được chính xác thời điểm anh H có mặt ở nhà, vì vậy mọi giấy tờ Toà án giao cho anh H chị nhận thay, cam kết giao tận tay cho anh H. Chị Th đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị theo quy định pháp luật.

UBND xã Q cung cấp thông tin: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 27/4/2007 theo đúng quy định pháp luật. Chị M và anh H có 02 con chung là cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Đặng Quốc H1, sinh ngày 04/01/2011. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được giữa vợ chồng anh H, chị M mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa

phương không nắm được. Nay chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Công an xã Q cung cấp thông tin: Anh Đặng Vũ H, sinh năm 1984, có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Anh H làm nghề tự do, hiện tại vẫn thường xuyên có mặt tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt, trong đó: nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đặng Vũ H vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hải A và cháu H1; người làm chứng chị Đặng Thị Th và bà Nguyễn Thị M trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đều trình bày quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND Khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Đặng Vũ H. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cả hai cháu Đặng Hải A và Đặng Quốc H1 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả hai cháu Hải A và cháu H1 đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Vũ H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên. Chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh

H, Tòa án nhân dân H1ện Phù Cừ (nay là Toà án nhân dân Khu vực I thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Vũ H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng cho anh H thông qua gia đình và niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc cho thấy anh H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/4/2007 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình vợ chồng chị M và anh H chung sống cùng nhau nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị M trình bày, do chị M áp lực về kinh tế, bản thân anh H không tu chí làm ăn, tiền lương hàng tháng anh H đi làm về không đưa để chi tiêu gia đình, chăm sóc con cái mà lấy tiền đó đi chơi bời, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Hải A, cháu Đặng Quốc H1 trình bày, trong thời gian bố mẹ các cháu còn chung sống cùng nhau thường xuyên xảy ra cãi nhau, còn lý do gì các cháu không biết, bố mẹ các cháu không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2018. Người làm chứng chị Đặng Thị Th là chị gái ruột anh H trình bày, đến năm 2019 vợ chồng anh H xảy ra mâu thuẫn, một phần do anh H mãi chơi, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, cũng từ năm 2019 chị M bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, hai anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, chị M và anh H vì lòng tự trọng quá cao, không ai nhường nhịn ai, chị M không muốn quay lại chung sống với anh H, anh H không có ý định đi tìm chị M về. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình nên đến đầu năm 2019, chị M cùng hai con chuyển về nhà bố mẹ để chị tại thôn V, xã Q sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Đến nay, chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng cho anh H thông qua gia đình nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc cho thấy anh H cố tình không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, không mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ. HĐXX xét thấy: Quan hệ giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau từ lâu. Do vậy, chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M xác nhận, chị và anh H có 02 con chung là các cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Đặng Quốc H1, sinh

ngày 04/01/2011. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị M có quan điểm, hai cháu hiện đang ở với chị vì vậy khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, chị M tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị. HĐXX xét thấy: Hai cháu Hải A và cháu H1 đang ở với chị M và được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi chị M và anh H sống ly thân cho đến nay; chị M hiện đang làm công nhân Công ty TNHH JO VINA tại xã Q, thu nhập bình quân hàng tháng từ 11.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng. Còn anh H mặc dù vẫn có mặt tại địa phương nhưng sáng đi sớm, tối về muộn, thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung không có. Xét về điều kiện mọi mặt thì chị M có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con khi ly hôn hơn anh H; mặt khác, cả hai cháu Hải A và cháu H1 đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị M khi bố mẹ các cháu ly hôn nhau. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của các con chung khi chị M và anh H ly hôn, tiếp tục giao cả hai cháu Hải A và cháu H1 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 7/2025 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi là cần thiết, phù hợp với nguyện vọng của chị M, nguyện vọng của cả hai cháu Hải A và cháu H1 và phù hợp quy định của pháp luật. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị, xét đây là sự tự nguyện của chị M nên HĐXX ghi nhận, không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị M. Sau khi ly hôn, anh Đặng Vũ H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M xác nhận, giữa chị và anh H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị M nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M xác nhận, giữa chị và anh H không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Đặng Vũ H, sau khi ly hôn có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh H và chị M thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đặng Vũ H.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Đặng Hải A, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Đặng Quốc H1, sinh ngày 04/01/2011 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 7/2025 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị M. Sau khi ly hôn, anh Đặng Vũ H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M xác định, giữa chị và anh Đặng Vũ H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M xác định, giữa chị và anh Đặng Vũ H không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh H và chị M thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/24/0004620, ngày 19/5/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hưng Yên (trước là Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Phù Cừ), chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền